

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

324.259 707 509 597 75

ĐC

L 302 S

**LỊCH SỬ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO
BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
(1930 - 2020)**



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**LỊCH SỬ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO
BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
(1930 - 2020)**

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

**LỊCH SỬ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO
BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
(1930 - 2020)**

**THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG**

001794

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời giới thiệu

Thực hiện Chi thị 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) và Kế hoạch số 244-KH/TU ngày 22/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về “tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng”; nhằm thiết thực kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2020), 90 năm Ngày truyền thống công tác Tuyên giáo của Đảng (01/8/1930 - 01/8/2020), chào mừng các ngày lễ lớn, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII, được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn sách *Lịch sử ngành Tuyên giáo tỉnh Đồng Nai (1930-2020)*.

Cuốn sách là công trình nghiên cứu công phu, ghi lại chặng đường lịch sử vẻ vang 90 năm hoạt động của ngành Tuyên giáo Đồng Nai, góp phần tổng kết thực tiễn hoạt động công tác Tuyên giáo của tỉnh từ khi thành lập Đảng đến nay. Cuốn sách là tài liệu giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng của ngành; cổ vũ, động viên đội ngũ các thế hệ cán bộ làm công tác Tuyên giáo tiếp tục phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt hơn nữa mọi nhiệm vụ trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy; các đồng chí nguyên là lãnh đạo Ban Tuyên giáo qua các thời kỳ; các cán bộ, chuyên viên, nhân viên công tác trong ngành Tuyên giáo Đồng Nai qua các thời kỳ; cảm ơn các đồng chí, đồng nghiệp đã đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết và quý báu trong quá trình biên soạn cuốn sách này.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn, mặc dù Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng, nhưng cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí, của bạn đọc để lần tái bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Phạm Xuân Hà

UVBTV - Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Mở đầu

Đồng Nai là tỉnh ở miền Đông Nam Bộ, vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Tỉnh Đồng Nai phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Tây giáp tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận. Diện tích tự nhiên của tỉnh 5.907,2km².

Đồng Nai thuộc Đông Nam Bộ được Châu Đạt Quan mô tả vào năm 1206 trong tác phẩm *Chân Lạp phong thổ ký*: “Bắt đầu từ Chân Bô (Vũng Tàu - Bà Rịa ngày nay) hầu hết cả vùng¹ đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa sông của con sông lớn chạy dài hàng trăm lí², bóng mát um tùm của những gốc cây cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú xum xuê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng cỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ cây đầy rẫy, hàng trăm, hàng ngàn trâu rừng tụ họp từng bầy. Tiếp đó nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm lí”³. Mặc dù vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai chứa đựng “dưới sông sâu lội, trên rừng cộp

1 Cả vùng bao gồm cả miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

2 Lí tức là dặm, 1 dặm = 1,609344km.

3 Châu Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Lê Hương dịch, xuất bản Sài Gòn, tr.80.

um”, nhưng giao thông đường thủy từ sông Đồng Nai đến vùng đất này khá thuận lợi, nên cư dân người Việt đến xây dựng làng xóm mới từ khá sớm.

Về địa hình, Đồng Nai hình thành 2 vùng, vùng trung du thuộc địa bàn tiếp giáp với cao nguyên Lâm Đồng có huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất, thành phố Long Khánh. Vùng đồi thoai thoải và đồng bằng có huyện Vĩnh Cửu, phía Tây huyện Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch. Đồng Nai có vài núi, cao nhất là núi Chứa Chan ở huyện Xuân Lộc (cao 817m so với mực nước biển).

Rừng Đồng Nai thuộc loại rừng nhiệt đới có nhiều loại gỗ quý như cẩm, gõ, trắc, cẩm xe, giáng hương, bằng lăng, sao... nhiều loại cây thuốc như tô mộc, sa nhân,... các loại thú lớn như voi, hổ, nai... và hàng trăm các loại chim thú, loài bò sát khác. Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), rừng Đồng Nai gắn liền với những căn cứ địa, chiến khu nổi tiếng như Chiến khu Đ, Rừng Sác... Trong kháng chiến chống Mỹ, rừng Đồng Nai bị thiệt hại do bom đạn, chất độc hoá học, khai hoang của đế quốc Mỹ gây ra. Từ sau ngày thống nhất đất nước, do sự hạn chế về nhận thức, do quản lý yếu kém, khai thác thiếu quy hoạch nên rừng Đồng Nai ngày càng bị cạn kiệt. Hiện nay, Đồng Nai còn rừng Nam Cát Tiên là rừng nguyên sinh nhiệt đới, độ ẩm cao, có nhiều loại cây, thú quý hiếm đã được Nhà nước công nhận là “Rừng Quốc gia” và là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Những ngọn núi lửa ngưng hoạt động cách đây hàng triệu năm đã để lại những lớp nham thạch tạo nên một vùng đất đỏ bazan màu mỡ rộng lớn ở Xuân Lộc, Thống Nhất, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Long Khánh... rất thích hợp với việc xây dựng vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày (cao su, thuốc lá, tiêu, điều, mía...). Đồng bằng Đồng Nai nằm trải

ngiên về biển Đông, là vùng đất phù sa mới, trọng điểm lúa của tỉnh là huyện Long Thành. Nằm dọc hai bên triền sông Đồng Nai từ Tân Triều (Vĩnh Cửu) đến Phú Hội (Long Thành) là vùng cây trái xum xuê bốn mùa xanh tốt với các loại cây ăn trái nổi tiếng như bưởi Tân Triều, sầu riêng, chôm chôm, măng cụt...

Đồng Nai nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm có hai mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 4. Lượng mưa bình quân 1.700mm. Đồng Nai rất ít khi xảy ra thiên tai lũ lụt, lượng nước và giờ nắng phù hợp càng tạo thêm điều kiện để phát triển nông nghiệp toàn diện. Lòng đất Đồng Nai chứa nhiều khoáng sản quý, nổi tiếng như đá xây dựng, đất sét, cao lanh dùng cho vật liệu xây dựng, hàng gốm mỹ nghệ, hình thành những làng gốm, lu, gạch, ngói nổi tiếng như Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An... một thời; than bùn làm chất đốt; các loại đá ốp lát, đá quý làm hàng xuất khẩu... Đồng Nai có nhiều sông suối. Sông Đồng Nai là sông lớn nhất ở miền Đông Nam Bộ bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên, đoạn chảy qua tỉnh dài 290km, có nhiều phụ lưu như sông Bé, sông La Ngà, sông Thị Vải. Ngoài nguồn nước phục vụ cho nông nghiệp, sinh hoạt, sông Đồng Nai còn là nguồn “vàng trắng” với công trình thủy điện Trị An công suất 420.000kw, cung cấp điện cho cả Nam Bộ. Đồng Nai nằm trong khu vực tam giác trọng điểm kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu có vị trí chiến lược quan trọng, là cửa ngõ phía Đông Nam Sài Gòn; là đầu cầu nối thông ra biển Đông. Đồng Nai có 32 khu công nghiệp tập trung hoạt động rất hiệu quả, đến năm 2019 “toàn tỉnh đã có trên 41.000 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động với tổng vốn đăng ký trên 300 ngàn tỷ đồng”¹.

1 Tỉnh ủy Đồng Nai (2020), *Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI*, Tài liệu lưu hành nội bộ, tr.3

Đồng Nai có hệ thống đường giao thông thuận lợi. Quốc lộ 1 nối liền Thành phố Hồ Chí Minh - miền Bắc qua Đồng Nai; quốc lộ 51 Biên Hòa đi Bà Rịa - Vũng Tàu; quốc lộ 20 đi Tây Nguyên. Ngoài ra, còn có hệ thống đường liên tỉnh số 764, 765, 766, 767, 768, 769... thuận lợi cho giao thông vận chuyển kinh tế. Đồng Nai có đường sắt xuyên ngang dài 90km; đường sông Đồng Nai, sông Lòng Tàu thông ra biển Đông. Đường không Đồng Nai có sân bay Biên Hòa - trước đây được đế quốc Mỹ sử dụng cho mục tiêu chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), ta tiếp quản sử dụng bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư xây dựng; đây sẽ là cảng hàng không quốc tế quan trọng của quốc gia và là một trung tâm trung chuyển hàng không quốc tế của khu vực Nam Bộ.

Cuối những năm 70 của thế kỷ XVII, ngoài người Việt và cư dân bản địa còn có các nhóm người Hoa từ Quảng Đông, Quảng Tây chủ yếu là quan quân nhà Minh chống đối sự xâm lăng của nhà Mãn Thanh đã trốn chạy qua Việt Nam, được chúa Nguyễn cho định cư và sinh sống ở Nam Bộ. Đến Biên Hòa có nhóm Trần Thượng Xuyên (1679) được phép định cư vùng Bàn Lân, Cù lao Phố. Như vậy, những lớp cư dân người Việt vào đất Biên Hòa Đồng Nai là những tầng lớp phản kháng mọi áp bức, hà khắc của chế độ phong kiến. Họ là những người yêu lao động, muốn được phóng khoáng tự do, những lớp người này đã cùng chống chọi với thiên nhiên tạo dựng nên một cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú. Nhờ có tinh thần đoàn kết, có đức tính cần Cù lao động, những người dân Việt cùng cư dân tại chỗ đã “biến những đám rừng hoang vu và cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm” thành xóm làng trù phú, những cánh đồng xanh tươi và cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Bên cạnh nền nông nghiệp lúa nước, nghề tiểu thủ công cũng đa dạng như mộc, gốm, đúc đồng, khai thác và trạm trổ đá... những sản phẩm này dùng để mua bán và trao đổi với các vùng khác trong nước. Từ giữa thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, Cù lao Đại Phố (nay là phường Hiệp Hòa, Biên Hòa) đã trở thành một hải cảng lớn, một trung tâm thương mại sầm uất ở Nam Bộ, đầu mối giao lưu với kinh tế nước ngoài. Trịnh Hoài Đức đã mô tả Cù lao Đại Phố: Lầu quá đôi tầng rục rờ trên bờ sông, liên lạc năm dặm và phân hoạch ra làm 3 nhai lộ. Nhai lớn ở giữa phổ lát đá trắng, nhai ngang lát đá ong, nhai nhỏ lát đá xanh, đường sông bằng phẳng, người buôn tụ tập đông đảo, tàu biển ghe sông đến đậu chen lẫn nhau, còn những nhà buôn to ở đây thì nhiều hơn hết.

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đàng trong, ông đã xây dựng hệ thống hành chính và thiết chế xã hội của người Việt ở Nam Bộ: “Lấy đất Nông Nại là phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt một chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để quản trị”¹. Từ năm 1698 đến nay, địa lý hành chính của Đồng Nai nhiều lần thay đổi theo sự biến thiên của lịch sử với các tên gọi: Trấn Biên (1698), trấn Biên Hòa (1808), tỉnh Biên Hòa (1832), đến năm 1957, chính quyền Sài Gòn cắt huyện Xuân Lộc lập tỉnh Long Khánh.

Đồng Nai có 5 tôn giáo: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo. Riêng Phật giáo và Thiên Chúa giáo là 2 tôn giáo có tín đồ đông nhất ở tỉnh. Đạo Phật vào Đồng Nai từ lâu đời và có quan hệ tốt với cách mạng. Đạo Thiên Chúa giáo vào Đồng Nai từ cuối thế kỷ XVII. Ngoài 5 tôn giáo trên, nhân dân Đồng Nai còn có tín ngưỡng

¹ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành Thông chí*, tập trung, dịch giả Nguyễn Tạo, Nhà Văn hóa, Phủ quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, tr.12.

thờ cúng ông bà tổ tiên, tôn thờ những vị thần có công khai phá lập làng xã, có công với đất nước như đình thần.

Ngày 12/02/1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh chiếm thành Gia Định, mở đầu công cuộc xâm lược ở Nam Bộ. Tháng 2/1861, đại đồn Chí Hòa thất thủ, Nguyễn Tri Phương dẫn hơn 600 quân lui về thành Biên Hòa để tiếp tục chiến đấu. Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp. Nhưng nhân dân Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước đã đứng lên chống giặc Pháp quyết liệt. Sau khi chiếm Biên Hòa, tên đại tá Diégo dẫn một cánh quân đánh xuống Long Thành. Tổng lãnh binh Nguyễn Đức Ứng đã lãnh đạo nghĩa quân chặn đánh địch quyết liệt. Dù vũ khí thô sơ, nghĩa quân Long Thành vẫn cầm cự với quân Pháp từ sáng sớm đến 14 giờ. Quân Pháp phải tăng cường viện binh từ Biên Hòa xuống đánh chiếm theo lộ 17 và 19 bao vây nghĩa quân. Ngày 20/12/1861, Nguyễn Đức Ứng hy sinh, nghĩa quân phải rút vào rừng. Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, đồng bào Châu ro, Stiêng ở Biên Hòa đã sát cánh cùng nghĩa quân chiến đấu hết sức dũng cảm, làm cho quân Pháp bị nhiều thất bại. Tổng hành dinh của đại tá Loubère ở Biên Hòa nhiều lần bị nghĩa quân bao vây tiến công. Tên Peyon thiếu tá hải quân Pháp thú nhận: Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo các bộ lạc người Thượng ở Biên Hòa, Bà Rịa. Trước đó, những người này vẫn đứng ngoài cuộc chiến đấu. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ quân khởi nghĩa ở Biên Hòa, Bà Rịa đã có những trợ lực quan trọng. Ngày 20/08/1864, Trương Định hy sinh, con là Trương Quyền tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến, lập căn cứ ở Giao Loan (Rừng Lá). Từ căn cứ này, nghĩa quân nhiều lần tổ chức tiến công giặc Pháp ở Biên Hòa. Nhân dân ở Xuân Lộc, Bà Cáp đã tích cực giúp đỡ nghĩa quân chống thực dân Pháp. Tháng 04/1865, với một lực lượng quân sự lớn, thực dân Pháp phải bị nhiều tổn thất mới chiếm được căn

cứ Giao Loan, phát triển đánh chiếm đồn Gia Phú, Gia Lào, Bàu Cá. Cuối tháng 04/1865, lực lượng nghĩa quân ở Biên Hòa bị tan rã, phong trào kháng chiến bị lắng xuống một thời gian. Các “hội kín” được thành lập như hội kín của ông Đoàn Văn Cự ở Bình Đa (Tam Hiệp - Biên Hòa) năm 1906. Nhóm Lâm Trung ở quận Châu Thành tỉnh Biên Hòa tổ chức tiến công trụ sở tề giải thoát thanh niên bị bắt lính đưa sang Pháp vào đêm 14/02/1916. Một bộ phận vũ trang ở Bình Trước do các ông Mười Sốt, Mười Tiết chỉ huy (cũng thuộc nhóm Lâm Trung) tổ chức đánh phá khám đường tại thị xã Biên Hòa, bắn súng thị uy vào nhà tên chủ tỉnh Biên Hòa ngày 16/02/1916.

Trong quá trình xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã nhìn thấy ở Đồng Nai một miền đất nước được thiên nhiên ưu đãi, giàu tài nguyên đáp ứng được yêu cầu bóc lột làm giàu cho chúng. Chương trình khai thác thuộc địa của thực dân đã được toàn quyền Paul Doumer vạch ra từ năm 1897: Xây dựng cơ sở hạ tầng Đông Dương với một quy mô to lớn, một hệ thống đường sắt, đường bộ, đường sông, bến cảng để phục vụ cho việc khai thác Đông Dương... đẩy mạnh sản xuất và thương mại của thuộc địa bằng việc phát triển công cuộc thực dân của người Pháp và lao động người bản xứ. Tư bản Pháp đã đổ xô đầu tư vốn khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Biên Hòa, mạnh nhất là vào những năm đầu thế kỷ XX. Chúng xây dựng hệ thống xí nghiệp công nghiệp khai thác lâm sản, những công ty đồn điền khai thác cao su. Cùng với công cuộc khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp, giai cấp công nhân ở Đồng Nai hình thành. Mức độ khai thác càng cao thì số lượng công nhân càng tăng lên. Người công nhân phải bán sức lao động để kiếm sống, biết mình bị bóc lột, kiếp sống ngựa trâu nhưng không có cách nào khác. Trước năm 1914, số lượng công nhân ở các công trường, xí nghiệp, các đồn điền cao su ở Biên Hòa là 2.500 người. Đến năm 1930, riêng công nhân cao

su ở Biên Hòa tăng hơn 4 lần. Đội ngũ công nhân các xí nghiệp, công ty đồn điền hầu hết được tư bản thực dân Pháp tuyển mộ từ những người nông dân nghèo khổ chịu sự chà đạp, bóc lột của địa chủ phong kiến ở miền Trung, miền Bắc. Hình thức tuyển dụng của tư bản thực dân là “mộ phu” hay ký công tra (giao kèo). Sự thực của hình thức tuyển dụng này được tờ báo Volonté Indochinoise (Ý chí Đông Dương) ra ngày 10/08/1927 vạch trần: “Đó là sự tái bản trong giữa thế kỷ XX này của cái chợ buôn nô lệ”. Thực dân Pháp cùng bọn mộ phu đã cố thủ dệt nên một “thiên đường” đất đỏ Nam Kỳ. Nhưng khí hậu khắc nghiệt của núi rừng, sự bóc lột của bọn chủ Tây bằng chế độ lao động nặng nhọc, ăn uống thiếu dinh dưỡng, thường xuyên bệnh đau thiếu thuốc uống, lại bị bọn địa chủ, cai, xu, xếp đánh đập, cúp phạt đã biến những đồn điền cao su của tư bản Pháp ở Biên Hòa thành những “địa ngục trần gian” đối với người phu cao su. Người công nhân cao su chết dần chết mòn, ít ai hết hạn giao kèo lại được trở về quê nhà nên dân gian ca thán rằng: “Cao su đi dễ khó về / Khi đi trai tráng khi về bưng beo”. Sự bóc lột của người công nhân cao su càng tồi tệ thì lợi nhuận của bọn tư bản thực dân càng không ngừng tăng lên. Do vậy, mâu thuẫn giữa đội ngũ công nhân Biên Hòa và bọn chủ tư bản ngày càng gay gắt. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tại Biên Hòa cũng là nạn nhân của chế độ thực dân phong kiến. Ở nông thôn Biên Hòa, quá trình khai phá đất đai dần dần dẫn đến sự phân hóa giai cấp, đó là giai cấp địa chủ và người tá điền làm thuê. Nhất là dưới chế độ thực dân phong kiến, bọn tư bản thực dân cấu kết với giai cấp địa chủ, tìm mọi cách cướp ruộng rẫy của nông dân các vùng đất đỏ bazan để mở rộng đồn điền trồng cao su, cà phê... và biến những người nông dân không còn tư liệu sản xuất đó thành những người phu nô lệ làm thuê làm mướn cho bọn chủ. Thêm vào đó là nạn thuế khóa nặng nề, lao dịch quanh năm. Cuộc sống nông dân ngày càng

túng quăn, nợ nần, đói rét. Ngược lại, bọn địa chủ ngày càng giàu có. Sự phân hóa xã hội đã dẫn đến mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân nghèo với giai cấp địa chủ, sự mâu thuẫn này càng gay gắt và tất yếu sẽ xảy ra đấu tranh giai cấp giữa nông dân với địa chủ. Biên Hòa có tầng lớp thợ tiểu thủ công nghiệp làm thuê ở các lò lu, lò gạch ngói, lò gốm tập trung ở vùng Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An, Tân Hạnh... Hầu hết họ đều xuất thân từ giai cấp nông dân bị phá sản, hoặc vừa làm nông nghiệp vừa làm thợ tiểu thủ công nghiệp. Cuộc sống lao động của họ vô cùng vất vả cực nhọc để làm giàu cho bọn chủ. Tầng lớp tiểu tư sản ở Biên Hòa cuộc sống dựa vào đồng lương của chính quyền thực dân nửa phong kiến. Một số là “công chức cao cấp” như đốc phủ sứ, tri huyện, tri phủ khá giả, còn đại đa số là công chức nhỏ, tư chức, giáo viên, học sinh... phải chạy ăn hàng ngày cuộc sống tối tăm, bế tắc về chính trị, về kinh tế bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế khóa, biến động về giá cả. Về văn hóa, chính quyền thực dân áp dụng chính sách ngu dân, 95% nhân dân Biên Hòa mù chữ. Trong hơn 7000 công nhân cao su chỉ có 120 người đi học. Toàn huyện Long Thành (từ năm 1929 đến năm 1932) chỉ có một trường học dạy đến lớp 1 (ở Phước Thiên), một trường dạy đến lớp 2 (Phước Lộc). Toàn tỉnh Biên Hòa chỉ có 3 trường tiểu học. Riêng quận Xuân Lộc có một trường tiểu học nhưng để dành cho con em công chức Pháp, quan lại, địa chủ. Ở thị xã Biên Hòa tuy có nhiều trường học hơn, nhưng cũng chỉ dạy đến cấp I (Trường Tiểu học Nguyễn Du), Trường Bá nghệ (École D’art). Các thị trấn, thị xã nhan nhản những tiệm rượu (viết tắt RA) và tiệm hút thuốc phiện (viết tắt RO) do bọn thực dân Pháp quản lý và khuyến khích người dân sử dụng. Nạn cờ bạc, hút xách từ thị trấn đến nông thôn, đồn điền cao su được mở ra để làm bản cùng hóa người dân. Chế độ khai thác thuộc địa dã man của thực dân tư bản Pháp, sự cấu kết chặt chẽ giữa thực dân với địa chủ phong kiến đã làm phân hóa xã hội Biên Hòa một cách sâu sắc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn,

trong đó có 2 mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với chế độ thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân lao động mà chủ yếu là giai cấp công nhân, nông dân với bọn tư bản (bản xứ và thực dân) cấu kết với bọn địa chủ phong kiến.

Các hoạt động vũ trang của các tổ chức này đã bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội và dần dần bị tan rã. Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của cụ Phan Chu Trinh đã có tiếng vang và tác động nhất định đến tinh thần yêu nước của nhân dân Biên Hòa, nhất là trong giới thanh niên học sinh vào những năm 20 của thế kỷ XX. Đặc biệt đội ngũ công nhân Biên Hòa tuy mới ra đời nhưng không ngừng đấu tranh cho quyền lợi giai cấp bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao. Công nhân nhà máy của BIF, công nhân đường sắt trong những năm 20 đã liên tục tổ chức những cuộc đấu tranh nhỏ lẻ chống lại sự áp bức, bóc lột của bọn chủ tư bản đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nổi bật là tinh thần đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su. Tháng 12/1926, 500 công nhân ở đồn điền cao su Cam Tiêm (Ông Quế) đồng loạt bãi công phản đối sự lừa gạt của bọn mộ phu; phản đối chủ sở không thực hiện những điều cam kết trong bản giao kèo. Bọn tư bản thực dân phải huy động lính đến đàn áp dã man để dập tắt cuộc bãi công. Trong tháng 8 và 9 năm 1927, công nhân đồn điền cao su Phú Riêng cũng nhiều lần nổi dậy đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế. Công nhân nổi dậy giết tên xếp Tây Mông-téc-lô (Monterlo) và lũng bắt, cảnh cáo một số tên cai, xu, xếp gian ác ở phân sở. Những phong trào yêu nước, đấu tranh của nhân dân Biên Hòa còn mang tính tự phát, và hầu hết đều bị khủng bố dập tắt. Nhưng qua những cuộc đấu tranh này, ý thức giai cấp, tình đoàn kết đã nảy sinh và ngày càng được nâng cao. Đó là tiền đề cho phong trào yêu nước chống xâm lược của nhân dân Biên Hòa ngày càng mang tính tự giác khi có Đảng Cộng sản - Chính Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Với cách mạng, do yêu cầu của chiến trường, địa bàn Đồng Nai nhiều lần tách nhập, hình thành các tỉnh với tên gọi: tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên, Bà Rịa - Long Khánh, Bà Biên, Phước Thành, U1, Phân khu 4, thành phố Biên Hòa, Phân khu Bà Rịa, Tân Phú¹. Tháng 1/1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tỉnh Biên Hòa (nông thôn, thị xã), Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú. Tháng 8/1991, theo Quyết định của kỳ họp thứ 9 Quốc Hội (khóa VIII) lập thêm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ba huyện Long Đất, Châu Thành, Xuyên Mộc thuộc tỉnh mới Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai có 10 huyện, thành phố: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, thành phố Biên Hòa và Long Khánh, gồm 170 xã, phường, thị trấn. Theo niên giám Thống kê năm 2019, dân số toàn tỉnh 3.113.700 người, mật độ dân số 531 người/km², gồm nhiều dân tộc như Kinh, Hoa, Châu ro, Stiêng, Mạ, K'ho, Chăm, Khơmer, Tày, Nùng...

Trong 30 năm chiến tranh, Đồng Nai luôn là một chiến lược quan trọng được thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và xây dựng thành một hậu cứ trực tiếp cho Sài Gòn. Đặc biệt trong chiến tranh xâm lược, địch xây dựng Đồng Nai thành một trung tâm chỉ huy đánh phá cách mạng ở

-
- 1 05/1951: Thủ Biên
 Năm 1955: Biên Hòa
 09/1960: Thủ Biên
 07/1961: Biên Hòa - Bà Rịa
 12/1961: Nhập thêm tỉnh Long Khánh
 03/1963: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh
 04/1963: Bà Biên (Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh)
 09/1965: U1, Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh
 12/1966: U1, Bà Biên (Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh)
 10/1967: U1, Phân khu 4, Bà Rịa - Long Khánh
 05/1971: Phân khu Thủ Biên (Phân khu 5 - U1), Phân khu Bà Rịa
 10/1972: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh
 Sau Hiệp định Paris năm 1973, tỉnh Biên Hòa, thành phố Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.
 Đầu năm 1974: Trung ương Cục thành lập thêm tỉnh căn cứ Tân Phú.

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

001794

miền Đông Nam Bộ. Chúng mở rộng, hiện đại hóa sân bay chiến lược Biên Hòa và 18 sân bay dã chiến khác, xây dựng nhiều căn cứ quân sự lớn (Quân đoàn 3 ngụy, Nha Cảnh sát, Bộ Tư lệnh dã chiến II Mỹ, căn cứ huấn luyện Nước Trong...), kho tàng (lớn nhất là kho liên hợp Long Bình), trung tâm huấn luyện Nước Trong. Biên Hòa cũng là nơi địch lập “phòng tuyến thép” cuối cùng để bảo vệ chế độ Sài Gòn.

Với cách mạng, Đồng Nai là nơi sớm hình thành giai cấp công nhân, đông đảo là công nhân cao su cùng với nông dân lao động là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Ngay từ khi ra đời, Đảng chỉ đạo xây dựng cơ sở cốt cán trong quần chúng để lãnh đạo quần chúng hành động cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đồng Nai là một trong những trung tâm cách mạng với hệ thống căn cứ địa liên hoàn, nơi đứng chân chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam; là địa bàn quan trọng đứng chân của quân chủ lực ta tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh Mỹ ngụy, là một hành lang, đầu cầu tiếp nhận hàng chi viện từ hậu phương miền Bắc cho miền Đông. Đây cũng là nơi diễn ra trận quyết chiến đập tan tuyến phòng thủ phía Đông Sài Gòn của địch, tạo điều kiện cho chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng ngày 30/4/1975.

Trong 90 năm qua, ngành Tuyên giáo tỉnh Đồng Nai có nhiều công hiến, đóng góp công sức của các thế hệ cán bộ tuyên huấn, nhà văn; nhà báo, nghệ sĩ, nhà khoa học... đã vượt qua bao gian khổ hy sinh, làm nên những thành tích vẻ vang, đóng góp vào công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới phát triển tỉnh nhà.

MỐC SON LỊCH SỬ TUYÊN GIÁO

Ngày 01/8/1930: Ban Cố động và Tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xuất bản tài liệu “Ngày Quốc tế đỏ 01/8” (Năm 2000, Bộ Chính trị (khóa VIII) đã quyết định lấy ngày 01/8 hàng năm làm Ngày truyền thống công tác Tư tưởng - Văn hóa của Đảng).

Tháng 5/1941: Ban Chấp hành Trung ương chủ trương các Ban Tỉnh ủy phải có Ban Tuyên truyền chuyên môn, đề ra phương pháp, có kế hoạch tuyên truyền, viết sách, báo, truyền đơn, biểu ngữ để cổ động trong dân chúng.

Năm 1943: Đảng đưa ra Đề cương văn hóa Việt Nam, nêu lên nguyên tắc “Dân tộc - Đại chúng - Khoa học” trong xây dựng nền văn hóa mới.

Tháng 02/1949: Thành lập Ban Văn hóa Trung ương của Đảng.

Ngày 14/9/1950: Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 55-NQ/TW về Tổ chức Ban Tuyên truyền và Ban Giáo dục Trung ương của Đảng.

Ngày 16/4/1951: Trung ương quyết định thành lập Ban Tuyên huấn Trung ương.

Ngày 23/8/1958: Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa II) ra Nghị quyết số 50-NQ/TW về việc thành lập Ban Văn hóa - Giáo dục Trung ương (gọi tắt là Ban Văn giáo Trung ương).

Ngày 01/12/1959: Hợp nhất Ban Tuyên huấn và Ban Văn giáo Trung ương thành Ban Tuyên huấn - Văn giáo (gọi tắt là Ban Tuyên giáo Trung ương).

Tháng 5/1960: Thành lập Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu 5.

Ngày 23/01/1961: Thành lập Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam ở Chiến khu Đ.

Ngày 30/01/1968: Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 1584-NQ/TW về việc chia Ban Tuyên giáo Trung ương làm hai ban: Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương.

Tháng 8/1980: Bộ Chính trị ra quyết định thành lập Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương.

Ngày 14/4/1989: Sáp nhập Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương với Ban Tuyên huấn Trung ương lấy tên là Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Tháng 11/4/2007: Hợp nhất Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thành Ban Tuyên giáo Trung ương.

Chương I

**CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN
TRONG ĐẤU TRANH
GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC
(1930 - 1945)**

I.VAI TRÒ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG

1. Nguyễn Ái Quốc - Người xây dựng nền tảng cho công tác tuyên truyền, huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam

Theo Từ điển tiếng Việt: Tuyên giáo là tuyên truyền và giáo dục. Tuyên huấn là tuyên truyền và huấn luyện. Tuyên truyền là giải thích rộng rãi để thuyết phục mọi người tán thành, làm theo. Tuyên truyền viên là người chuyên làm công tác tuyên truyền¹. Công tác là công việc của Nhà nước hoặc đoàn thể mà mỗi viên chức hoặc thành viên phải thực hiện². Như vậy, công tác tuyên giáo là tuyên truyền, giáo dục công việc của Đảng, Nhà nước hoặc đoàn thể nhằm xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu cách mạng của mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, vua quan triều Nguyễn nhu nhược đầu hàng. Trước cảnh nước mất nhà tan, quê hương bị kẻ thù dày xéo, nhân dân Biên Hòa sôi sục lòng căm thù quân xâm lược, quyết tâm đi theo ngọn cờ kháng chiến do các sĩ phu lãnh đạo, tiêu biểu là các phong trào của Trương Định, Thủ Khoa Huân, Nguyễn Trung Trực...

Đến đầu thế kỷ XX, nhiều phong trào yêu nước và kháng chiến của nhân dân Biên Hòa diễn ra sôi nổi. Nhiều tổ chức của nhân dân được hình thành trên tinh thần yêu nước, căm thù quân xâm lược và bọn phong kiến tay sai. Năm 1905, hội kín của Đoàn Văn Cự được thành lập tại Bình Đa - Biên Hòa. Thông qua nhiều hoạt động, Hội đã tuyên truyền khơi dậy lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân lao động. Ngoài ra, một nhóm người yêu nước đã thành lập Trại Lâm Trung tại xã

1 Nguyễn Kim Thán, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương (2005), *Từ điển tiếng Việt*, tr.1720.

2 Nguyễn Kim Thán, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương (2005), *Sđđ*, tr.383.

Thiện Tân - huyện Vĩnh Cửu với mục đích tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp. Bên cạnh đó, còn có những phong trào đấu tranh của công nhân nhà máy cưa BIF, công nhân đường sắt, công nhân đồn điền Cam Tiêm... chống lại sự áp bức bóc lột của bọn chủ tư bản đòi các quyền lợi về dân sinh dân chủ.

Tuy vậy, tất cả những phong trào yêu nước và đấu tranh của nhân dân Biên Hòa đều mang tính tự phát và bế tắc không tìm ra lối thoát. Nguyên nhân của những thất bại trên là do chưa tìm được con đường cứu nước đúng đắn để tập hợp đông đảo nhân dân đứng lên chống quân xâm lược, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Năm 1911, trước thất bại của những phong trào yêu nước trong nước, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm con đường cứu dân, cứu nước. Sau 10 năm (1911 - 1920) nghiên cứu, học tập và tham gia đấu tranh ở các nước tư bản và thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm ra con đường cứu nước: con đường cách mạng vô sản. Người đã viết tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” và ra báo “Người cùng khổ” vạch trần tội ác của chế độ thực dân Pháp, chỉ rõ cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc. Đây là một trong những tác phẩm tuyên truyền đầu tiên đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao giác ngộ cách mạng cho công nhân và nhân dân lao động.

Cuối năm 1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) để chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Năm 1925, Người đã lập ra “Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội”. Đây là một tổ chức tiền thân của Đảng gồm những thanh niên nhiệt tình yêu nước và bước đầu được giác ngộ về chủ nghĩa Mác-Lênin. Cơ quan tuyên truyền của Hội là Báo

Thanh niên - tờ báo tiếng Việt đầu tiên (do Nguyễn Ái Quốc phụ trách) đã đưa chủ nghĩa Mác-Lênin truyền bá rộng rãi trong những người yêu nước Việt Nam.

Song song với việc viết báo, Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện đào tạo một số cán bộ. Đây là đội ngũ những chiến sĩ Cộng sản cốt cán đầu tiên tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước. Những bài giảng của Người tại lớp huấn luyện đã được tập hợp trong tác phẩm “Đường Kách Mệnh”. Khi được truyền bá về nước, “Đường Kách Mệnh” đã có tác dụng to lớn trong việc giáo dục và tổ chức những thanh niên cách mạng chân chính, tập hợp họ vào đội ngũ tiên phong của giai cấp vô sản.

Quá trình tiếp thu, chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm cho công nhân ý thức rõ vai trò lịch sử của mình đối với giai cấp và dân tộc. Yêu cầu khách quan đặt ra là giai cấp công nhân Việt Nam cần có chính đảng tiên phong của mình để lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Do sự thiếu thống nhất trong Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (ở Hồng Kông năm 1929), ở nước ta lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản có chung mục đích lý tưởng nhưng công tác tổ chức và chủ trương cụ thể khác nhau, đó là: An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Đảng liên đoàn. Trước tình hình đó, tại Hồng Kông, được Quốc tế Cộng sản ủy nhiệm, Nguyễn Ái Quốc gửi thư về nước triệu tập các tổ chức Cộng sản cử đại biểu họp hội nghị thống nhất. Ngày 03/02/1930, tại Hương Cảng, Trung Quốc, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã quyết định hợp nhất các tổ chức Cộng sản trong nước, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là nhà cách mạng đầu tiên ở nước ta mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng lịch sử, tìm ra con đường cứu nước. Đồng chí là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào trong nước và phác thảo con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân ta. Với những hoạt động trên, Nguyễn Ái Quốc là người đã đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng nền tảng vững chắc cho công tác tuyên huấn sau này ở Việt Nam.

2. Tuyên truyền Chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào yêu nước ở Biên Hòa

Dưới chế độ trực trị của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh dân tộc, dân chủ, dân sinh của các tầng lớp nhân dân ở Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ phát triển mạnh mẽ. Công nhân, nông dân, trí thức và các lực lượng yêu nước khác, từ trong thực tiễn của phong trào đấu tranh ấy, ngày càng xích lại gần nhau, thống nhất với nhau về quyền lợi và mục tiêu tranh đấu. Trong đó, giai cấp công nhân với tư cách là những người vô sản, đang ngày càng trở thành lực lượng trung tâm cùng với nông dân giương cao ngọn cờ dân sinh, dân chủ và độc lập dân tộc.

Từ những năm 1925, 1926 trở đi, tỉnh Biên Hòa cũng như nhiều địa phương khác ở Nam Bộ bắt đầu xuất hiện một phong trào yêu nước mang sắc thái mới.

Công nhân nhà máy cưa BIF, công nhân đường sắt trong những năm 20 đã liên tục tổ chức những cuộc đấu tranh nhỏ lẻ chống lại sự áp bức, bóc lột của bọn chủ tư bản đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nổi bật là tinh thần đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su. Tháng 12/1926, 500 công nhân ở đồn điền cao su Cam Tiêm (Ông Quế) đồng loạt bãi công, phản đối sự lừa gạt của bọn mộ phu; phản đối chủ sở không thực hiện những điều cam kết trong bản giao kèo. Bọn tư bản thực dân phải huy

động lính đến đàn áp dã man để dập tắt cuộc bãi công. Trong tháng 8 và 9 năm 1927, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng cũng nhiều lần nổi dậy đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế. Công nhân nổi dậy giết tên xếp Tây Mông-téc-lô (Monterlo) và lùng bắt, cảnh cáo một số tên cai, xu, xếp gian ác ở phân sở.

Do ảnh hưởng của đường lối cách mạng vô sản, phong trào yêu nước ở Nam Kỳ đã có nhiều chuyển biến. Tháng 10/1926, đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi của tổ chức Hội Thanh niên cách mạng Việt Nam được cử về Sài Gòn gây dựng cơ sở cách mạng. Năm 1927, Kỳ bộ Thanh niên cách mạng Việt Nam ở Nam Kỳ được thành lập. Mạng lưới đã phát triển nhanh chóng ở Sài Gòn và các tỉnh với khoảng 500 hội viên. Năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, nhiều hội viên của Kỳ bộ đã len lỏi vào làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền... nhằm tuyên truyền vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng để tự rèn luyện lập trường giai cấp công nhân. Những phong trào yêu nước, đấu tranh của nhân dân Biên Hòa còn mang tính tự phát, và hầu hết đều bị khủng bố dập tắt. Nhưng qua những cuộc đấu tranh này, ý thức giai cấp, tình đoàn kết đã nảy sinh và ngày càng được nâng cao. Đó là tiền đề cho phong trào yêu nước chống xâm lược của nhân dân Biên Hòa ngày càng mang tính tự giác khi có Đảng Cộng sản - Chính Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Tại Biên Hòa, một số đồng chí đã về hoạt động và xây dựng cơ sở ở đồn điền cao su Phú Riềng¹, Cam Tiêm, Cuộc-tơ-nay (Courtenay)², đề pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF³... Một trong những hội viên tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh (tức Nguyễn Xuân Cừ) được cử đi

1 Nay thuộc tỉnh Bình Phước.

2 Nông trường Cao su Ông Quế và Nông trường Cao su Cẩm Mỹ (thuộc Công ty Cao su Đồng Nai).

3 Nay là địa điểm cũ của nhà máy chế biến gỗ Tân Mai.

“vô sản hóa” ở đồn điền cao su Phú Riềng, đồng chí tìm cách tuyên truyền giáo dục, giác ngộ cách mạng cho đội ngũ công nhân, đồng thời truyền đạt những kinh nghiệm của mình trong quá trình hoạt động cách mạng.

Qua tuyên truyền, giáo dục giác ngộ quần chúng, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ đã phát triển được một số công nhân vào tổ chức cách mạng. Đến tháng 4/1928, Chi bộ Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập với 5 hội viên do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Sự kiện này là thắng lợi bước đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền giác ngộ cách mạng trong giai cấp công nhân. Việc phát triển các cơ sở cách mạng và quá trình tuyên truyền vận động quần chúng của các cán bộ Hội đã góp phần làm cho phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân dấy lên mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su. Các đồng chí đã tuyên truyền giáo dục, tập hợp và hướng dẫn công nhân đấu tranh đòi những nhu cầu thiết yếu trong đời sống nên được đông đảo quần chúng ủng hộ.

Ngày 20/9/1928, tại đồn điền cao su Cam Tiêm, dưới sự lãnh đạo của các tiểu tổ Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam, hơn 400 công nhân đồng loạt bãi công đòi chủ sở phải thực hiện những điều khoản trong “giao kèo” đã ký trước đây: đối xử tử tế với phu, tăng lương cho công nhân, trả người mãn hạn giao kèo về xứ... Cuộc đấu tranh bị chính quyền thực dân đàn áp dã man làm xôn xao dư luận quần chúng trong và ngoài nước. Tổng Liên đoàn lao động Pháp đã lên tiếng phản đối sự đàn áp này và bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung cũng như công nhân Cam Tiêm nói riêng.

Liên tiếp trong 2 tháng 8 và 10/1929, các đồng chí trong chi bộ

Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam vận động tuyên truyền công nhân đồn điền cao su Phú Riềng nổi dậy đấu tranh và tổ chức các cuộc bãi công, biểu tình với quy mô lớn chống lại sự bóc lột tàn bạo của bọn tư bản thực dân. Địch đã đưa quân đội đến đàn áp, bắt giam và đưa hàng trăm công nhân ra tòa xét xử. Các cuộc đấu tranh trên không chỉ nhằm mục đích đòi các quyền lợi về kinh tế mà còn bước đầu đã có yếu tố chính trị, mang tính tự giác nhằm đánh đổ kẻ thù của giai cấp và dân tộc, nhưng chưa thu được kết quả như mong muốn.

Những tháng cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Đức Văn (tự Nguyễn Tam) được đồng chí Ngô Gia Tự cử về Biên Hòa xây dựng cơ sở Đảng. Đồng thời đã liên lạc được với nhóm thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Phú Riềng. Ngày 28/10/1929, Chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng ở cao su Phú Riềng được thành lập có 6 đảng viên. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ được cử làm Bí thư chi bộ. Từ 6 đảng viên ban đầu, chi bộ đã giáo dục kết nạp thêm một số đảng viên mới rồi tung những “hạt giống đỏ” này đi vào các đồn điền cao su, các nhà máy, xí nghiệp để vận động cách mạng, tổ chức mạng lưới cơ sở ở một số địa phương khác. Chỉ trong vòng mấy tháng cuối năm 1929, đầu năm 1930 cơ sở Đảng đã phát triển một số nơi trong tỉnh Biên Hòa như đề pô-xe lửa Dĩ An, nhà máy cửa BIF, đồn điền cao su Cam Tiêm, đồn điền Cuộc-tơ-nay.

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TỪ KHI CÓ ĐẢNG ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - NĂM 1945

1. Công tác tuyên truyền từ khi có Đảng đến năm 1935

Sau sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhiều thanh niên trí thức tiên bộ ở Biên Hòa đã được tuyên truyền, giáo dục nên nhanh chóng tiếp thu tư tưởng mới của chủ nghĩa Mác-Lênin: giải phóng dân

tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Một số thanh niên sớm giác ngộ đã được vinh dự đứng vào đứng vào hàng ngũ của Đảng, trở thành những chiến sĩ tiên phong trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp như các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, Lưu Văn Viết (Tu Chà), Phạm Văn Khoai, Quách Tỳ, Quách Sanh...

Từ khi Đảng ra đời, các đảng viên trong Chi bộ Phú Riêng đã được trang bị kiến thức để vận động quần chúng thông qua báo Thanh niên giải phóng của Đông Dương Cộng sản Đảng, báo Nhân đạo của Đảng Cộng sản Pháp... Đi đôi với việc tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, chi bộ đã ra sức xây dựng các đoàn thể quần chúng, các tổ chức biến tướng. Chi bộ đã thành lập đội xích vệ nhằm bảo vệ chi bộ, bảo vệ công nhân trong các cuộc đấu tranh. Ngoài ra, chi bộ còn vận động tổ chức “Nghịệp đoàn đỏ” được đông đảo công nhân ủng hộ. Nghịệp đoàn ra tờ Giải Thoát in bí mật phân phát cho công nhân nhằm tuyên truyền giáo dục ý thức cách mạng, hướng dẫn công nhân đấu tranh theo đường lối của Đảng. Nội dung của báo còn phê phán những thói hư tật xấu trong công nhân do chế độ thực dân gây ra và kinh nghiệm đấu tranh của công nhân; ngoài ra có các bản tin thời sự, chính trị quốc tế... Đây là tờ báo đầu tiên của công nhân ngành cao su Việt Nam được đồng chí Ngô Gia Tự thường xuyên theo dõi và hướng dẫn. Cùng với những tài liệu do cấp trên chuyển đến, tờ Giải Thoát đã góp phần nâng cao sự giác ngộ của giai cấp công nhân và hướng cho họ phương pháp đấu tranh để giành thắng lợi.

Ngoài các tổ chức bất hợp pháp, chi bộ còn hình thành một số tổ chức hợp pháp như: Hội Xuân Thu nhị kỳ, Hội thánh Giuse, đội banh, đội lân... lấy hoạt động công khai để che cho hoạt động bí mật. Đây là

những tổ chức quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, là cơ sở để tập hợp tuyên truyền vận động và phát triển cơ sở cách mạng rộng rãi trong nhân dân. Qua những hoạt động này, chi bộ đã phát triển được một số hội viên mới. Sau khi được đồng chí Ngô Gia Tự huấn luyện, số hội viên này được cử đi tuyên truyền hoạt động ở các địa phương khác.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa đặc biệt là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra sôi nổi mạnh mẽ. Ngay trong những ngày thành lập Đảng (30/1 - 6/2/1930) gần 5000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh với yêu sách: đòi thực hiện đúng giao kèo giữa chủ và công nhân, cấm đánh đập, cúp phạt, miễn sưu thuế, trả lương thai sản cho nữ công nhân và một số kiến nghị khác. Đây là cuộc đấu tranh có quy mô lớn chưa từng có, được báo chí khắp nơi đăng tải. Vì không giữ được bí mật nên một số đồng chí cốt cán và quần chúng tích cực (khoảng 100 người) bị địch bắt giam ở khám lớn Biên Hòa. Qua đó, địch âm mưu tiêu diệt triệt để tinh thần cách mạng và ý chí bất khuất của những chiến sĩ Cộng sản Biên Hòa; nhằm khủng bố và dập tắt phong trào cách mạng của nhân dân ta... Trước sức ép của dư luận quần chúng, nhà cầm quyền buộc phải mở phiên tòa xét xử. Lợi dụng phiên tòa, các đảng viên đã dũng cảm tố cáo tội ác của thực dân, biến phiên tòa xét xử họ thành diễn đàn công khai để lên án những chính sách tàn bạo của bọn thực dân, vạch mặt bọn Việt gian bán nước, công khai tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, phát động tinh thần yêu nước, khí thế cách mạng trong quần chúng khiến cho bọn quan tòa lúng túng bị động và vội vàng chuyển vụ án về tòa đại hình Sài Gòn. Tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của các chiến sĩ cách mạng tại phiên tòa đã tạo tiếng vang lớn, nâng cao uy tín của Đảng và thanh thế cách mạng trong đông đảo quần chúng nhân dân.

Tại nhà máy của BIF, công tác tuyên truyền vận động cách mạng đã được thực hiện từ rất sớm. Ngay từ năm 1929, anh Nguyễn Văn Hợp - thư ký nhà máy đã khéo léo gợi chuyện cho thấy tình cảnh khổ cực của người dân nô lệ mất nước, từng bước tuyên truyền cách mạng cho một số thợ thuyền và quần chúng lao động ở xóm Tân Mai. Được sự đồng tình, hưởng ứng của anh em công nhân, các anh Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Văn Hạp (công nhân BIF), anh Tư Giáp (người Tân Mai) đã bí mật vận động quyên góp tiền của nhân dân quanh vùng mua giấy, mực in truyền đơn. Ngoài ra, các anh còn tổ chức thăm viếng, giúp đỡ các gia đình công nhân gặp hoàn cảnh khó khăn. Những nghĩa cử trên đã tạo mối quan hệ thân thiện với bà con trong vùng và giúp các anh thuận lợi trong hoạt động.

Bên cạnh hình thức tuyên truyền miệng, truyền đơn cũng là công cụ tuyên truyền rất hữu hiệu. Tuy nhiên, công tác in truyền đơn cũng gặp rất nhiều khó khăn do phải hành động bí mật tránh bị kẻ thù phát hiện. Việc mua giấy mực nhất là xu xoa (để in đông sương) phải được tiến hành thật kín đáo. Nhiều truyền đơn được in trong hoàn cảnh khó khăn là một nỗ lực lớn của công tác tuyên huấn thời bấy giờ.

Ngày 28/4/1930, nhiều truyền đơn được đánh máy và in bằng xu xoa được rải ở nhà máy của BIF và một số nơi trong thị xã Biên Hòa. Nội dung của truyền đơn là: kêu gọi công nông binh liên hợp, đấu tranh chống các chính sách bóc lột đàn áp của thực dân Pháp và bè lũ tay sai, bãi bỏ chế độ bắt dân đi xây, đòi giảm thuế, ủng hộ Đảng Cộng sản Việt Nam, chào mừng ngày Quốc tế Lao động 1/5...

Nhân ngày Quốc tế Lao động 01/5/1930, tại nhà máy của BIF và đề pô xe lửa Dĩ An, toàn bộ công nhân nhất loạt đình công đòi các quyền lợi về dân sinh dân chủ như ngày làm việc 8 giờ và được nghỉ

ngày chủ nhật..., các đảng viên còn treo cờ búa liềm tại Đài Kỷ niệm Biên Hòa. Đây là cuộc đấu tranh đầu tiên của công nhân công nghiệp, tuy không mang lại kết quả cao nhưng đã thể hiện tinh thần đấu tranh của đội ngũ công nhân và nêu cao tinh thần bất diệt của ngày Quốc tế Lao động. Từ tháng 5 đến tháng 9/1930, cơ sở Đảng nhà máy của BIF và ga xe lửa Biên Hòa tiếp tục vận động công nhân đình công, rải truyền đơn, kêu gọi công nhân, nông dân và toàn thể nhân dân đoàn kết đấu tranh, ủng hộ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Một lần nữa (21/7/1930) lá cờ búa liềm tung bay trên tháp nước nhà máy của BIF để chào mừng sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thông qua các hoạt động trên mà quần chúng nhân dân trong tỉnh ngày càng nhận rõ hơn là không thể cam chịu cuộc đời nô lệ của người dân mất nước mà phải vùng lên đấu tranh. Mặt khác, họ cũng nhận ra cách mạng đã thật sự đến với nhân dân Biên Hòa, không còn là chuyện xa xôi ở các nước trên thế giới nữa. Với những nhận thức trên, phong trào cách mạng ở Biên Hòa từng bước được nhen nhóm và phát triển.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng, đế quốc Pháp thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng trong biển máu bằng các cuộc khủng bố trắng ở khắp 3 miền. Tại tỉnh Biên Hòa, giặc Pháp ngày đêm lùng sục ở các xí nghiệp, các đồn điền cao su và các xóm ấp để truy tìm và bắt bớ cán bộ cách mạng. Đến cuối tháng 10/1930, một số đảng viên và cơ sở cốt cán ở nhà máy của BIF, ga xe lửa Biên Hòa, các đồn điền cao su Cam Tiêm, Cẩm Mỹ, An Lộc... đều bị địch bắt. Số đảng viên còn lại mất liên lạc với cấp trên nên phải trốn đi các địa phương khác. Do đó, phong trào cách mạng ở Biên Hòa tạm thời lắng xuống.

Năm 1933, đồng chí Lưu Văn Việt (Tur Chà) về Biên Hòa tiếp tục xây dựng lại cơ sở và vận động cách mạng. Trong vai hợp pháp là người đi bán bánh mì dạo, đồng chí đã đi nhiều nơi trong tỉnh để bí mật tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản, về đường lối chủ trương giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Qua quá trình tuyên truyền vận động, đồng chí đã kết nạp em ruột của mình là đồng chí Lưu Văn Văn (Chín Văn) và đồng chí Huỳnh Văn Phan vào Đảng Cộng sản. Ngoài ra, đồng chí còn vận động, tổ chức được cơ sở cách mạng trong thanh niên học sinh tại Bến Cá và cơ sở cảm tình ở Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa.

Đầu năm 1935, để đẩy mạnh phong trào, Liên Tỉnh ủy Miền Đông cử đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vỹ) về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí xin vào làm ở nhà máy Trường Tiền (Ty Công chánh Biên Hòa) để xây dựng cơ sở trong nhà máy và liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Tur Chà đã xây dựng. Sau một thời gian móc nối, các đồng chí đã vận động thành lập Chi bộ Bình Phước - Tân Triều (tháng 2/1935). Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư. Đây là chi bộ đầu tiên được thành lập trên địa bàn tỉnh, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng và là nòng cốt để xây dựng Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa sau này. Sự ra đời của chi bộ đánh dấu bước ngoặt lịch sử quan trọng trong phong trào cách mạng ở Biên Hòa.

Nhằm mục đích phát triển phong trào và mở rộng hình thức tuyên truyền, chi bộ đã phân công 2 đồng chí Hoàng Minh Châu và Quách Sanh thành lập “Liên đoàn học sinh” ở Trường Tiểu học Bình Hòa (quận Châu Thành - Biên Hòa)¹. Sau một thời gian vận động, Liên đoàn đã thu hút được khoảng 30 học sinh tham gia. Thông qua các hoạt động sôi nổi

1 Hiện nay là Trường Tiểu học Bình Hòa, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

như: cắm trại, đá banh..., các đồng chí đã khéo léo khơi dậy lòng yêu nước, chỉ rõ những hành động áp bức bóc lột của bọn thực dân Pháp, giáo dục tính giai cấp, tình đoàn kết, tương thân tương ái giúp đỡ nhau trong học tập, sinh hoạt làm cho các nội dung cần thiết thấm sâu vào giới thanh niên. Bên cạnh đó, những mâu thuẫn thú vị về người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước cũng được các đồng chí kể trong những buổi sinh hoạt nhằm nêu tấm gương sáng trong thanh niên. Ngoài việc tuyên truyền miệng, Liên đoàn còn phổ biến các sách báo tiến bộ một cách bí mật nhằm giúp thanh niên tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin, giúp họ nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình đối với quê hương đất nước. Qua những hoạt động phong phú trên, Liên đoàn đã đẩy lên một phong trào sôi nổi lôi cuốn được nhiều thanh niên địa phương tham gia. Một số thanh niên ưu tú giác ngộ cách mạng đã được kết nạp Đảng như: Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy...

Ngày 01/5/1935, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, Liên đoàn đã tổ chức rải truyền đơn ở một số xã thuộc địa phương với nội dung ca ngợi tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, do mất cảnh giác và chưa có kinh nghiệm, hoạt động của Liên đoàn bị địch phát hiện và truy bắt một số học sinh, số còn lại phải chuyển vào hoạt động bí mật. Trong giai đoạn 1930-1935, dù chưa có điều kiện thành lập cơ quan Tuyên huấn chuyên trách nhưng các đảng viên đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác này. Vì vậy, tất cả các đồng chí đều tự giác làm nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục quần chúng. Tùy tình hình điều kiện từng lúc, từng nơi các đồng chí đã có những biến chuyển linh hoạt, sử dụng nhiều phương thức sáng tạo để thực hiện công tác tuyên truyền nhất là trong những tình hình đặc biệt khó khăn do bị địch khủng bố.

2. Công tác tuyên truyền trong phong trào Mặt trận dân chủ (1936 - 1939)

Sau các đợt khủng bố trắng của thực dân Pháp, các tổ chức đảng ở trong nước bị tổn thất nghiêm trọng. Để tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam tiến lên, năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng được thành lập. Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1935, Đại hội Đảng lần thứ nhất họp ở Ma Cao (Trung Quốc). Đồng chí Võ Văn Ngân, đại biểu của Liên tỉnh ủy miền Đông - Nam Kỳ, tham dự Đại Hội và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng ủy Nam Kỳ (tháng 5 năm 1935). Hệ thống cơ sở Đảng ở các tỉnh dần dần được tập hợp, khôi phục và củng cố trở lại. Các chi bộ Đảng ở Biên Hòa đã liên lạc và nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy. Từ đây mở ra một thời kỳ mới cho phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Do những hậu quả nặng nề của khủng hoảng kinh tế thế giới trong những năm 1929 - 1933, thực dân Pháp ra sức bóc lột, vơ vét tài nguyên các nước thuộc địa, làm cho đời sống đồng bào ta vô cùng cơ khổ. Cùng chung cảnh ngộ đó, nhân dân Biên Hòa vốn đã cùng cực nay càng thêm điêu đứng. Hầu hết nông dân, thợ thủ công, các tầng lớp lao động khác ở các quận Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc đều lâm vào cảnh thiếu đói. Công nhân cao su, công nhân các nhà máy xí nghiệp, nhất là công nhân trong các đồn điền cao su bị tư bản thực dân bóc lột nặng nề. Một số địa chủ nhỏ, tư sản dân tộc cũng bị sa sút, phá sản. Trong tình hình đó, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu “Dân sinh, dân chủ, tự do, cơm áo” đã đáp ứng đúng nguyện vọng cấp thiết của nhân dân.

Mặt khác, trong thời gian này (1934 - 1935), những hoạt động công khai hợp pháp ở Sài Gòn của một số đảng viên cộng sản như các

đồng chí: Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai... kết hợp với những tri thức yêu nước như Nguyễn An Ninh đòi tự do dân chủ, cải tiến thể chế chính trị ở thuộc địa... đã ảnh hưởng đến các tầng lớp nhân dân Biên Hòa tiến bộ. Xu hướng dân chủ trong nhân dân ngày càng tăng lên.

Đến năm 1933 - 1934, chủ nghĩa phát xít trở thành nguy cơ lớn đe dọa nền hòa bình và an ninh quốc tế. Đại hội Quốc tế Cộng sản họp lần thứ 7 (7/1935) vạch rõ nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Tháng 5/1936, Mặt trận nhân dân Pháp mà Đảng Cộng sản Pháp là nòng cốt lên cầm quyền đã áp dụng những chủ trương, chính sách tiến bộ ở các nước thuộc địa. Điều này đã tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng trong nước.

Tháng 7/1936, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Thượng Hải quyết định thành lập Mặt trận phản đế Đông Dương để tập hợp mọi lực lượng đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa. Để phù hợp với việc chuyển hướng về mục tiêu và nhiệm vụ trước mắt, Hội nghị cũng quyết định thay đổi hình thức đấu tranh từ tổ chức bí mật, bất hợp pháp là chính sang đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp. Vì thế, nhiệm vụ và phương pháp tuyên truyền cách mạng cũng được thay đổi.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị toàn quốc, nắm thời cơ Quốc hội Pháp chuẩn bị cử một phái đoàn điều tra sang Đông Dương để thực hiện một số điều cải cách theo chương trình của Mặt trận nhân dân, Đảng chủ trương mở cuộc vận động Đông Dương Đại hội. Đến ngày 13/8/1936 ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội được thành lập tại Sài Gòn và nhanh chóng lan ra các tỉnh.

Đầu tháng 9/1936, đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước) được Ủy ban trừ bị Đông Dương Đại hội cử về Biên Hòa để trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Ngay từ khi về Biên Hòa, đồng chí Nghĩa đã liên lạc với các đồng chí trong Chi bộ Bình Phước - Tân Triều và một số đồng chí khác như Phạm Văn Khoai, Huỳnh Văn Lũy, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký... Các đồng chí đã thảo luận việc thực hiện chủ trương của Trung ương và đi đến thống nhất thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Chủ tịch. Trụ sở của Ủy ban hành động tỉnh đặt tại khách sạn Thanh Phong (nay là trụ sở Công an phường Hòa Bình - thành phố Biên Hòa). Tiếp đó, các Ủy ban hành động quận Châu Thành, Xuân Lộc, Long Thành cũng được hình thành, tập hợp hàng nghìn quần chúng đủ các giới, các ngành tham gia. Hoạt động của Ủy ban hành động là tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân trong tỉnh lập bản dân nguyện đòi thực hiện những cải cách dân sinh, dân chủ nhằm cải thiện đời sống nhân dân để gửi phái đoàn điều tra của Pháp. Các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa và Phạm Văn Khoai đã cho in và phát hành hàng ngàn truyền đơn gửi đi các nơi trong tỉnh với các nội dung phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới như:

- Tuyên truyền thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp và việc tổ chức Đông Dương Đại hội.

- Phổ biến mục đích của Đông Dương Đại hội là tập hợp lực lượng nhân dân đấu tranh đòi tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do báo chí, chống sưu cao thuế nặng, đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân...

- Kêu gọi thành lập ủy ban hành động ở cơ sở và lấy kiến nghị của nhân dân gửi lên Đại hội. Ủy ban hành động các quận Châu Thành,

Tân Uyên, Long Thành, Xuân Lộc được thành lập và hoạt động công khai thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia nhất là giới trí thức, công nhân và học sinh.

Để thuận tiện trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào Đông Dương Đại hội, Ủy ban hành động có sáng kiến thành lập “Bình dân thư viện” tại xã Bình Ý (thuộc quận Châu Thành)¹. Đây là nơi phát hành sách báo tiến bộ như La Lutte, Dân Chúng, các tài liệu của Đảng... và cũng là nơi tiếp nhận kiến nghị của các địa phương trong tỉnh. Hàng đêm, đông đảo các tầng lớp nhân dân (đông nhất là thanh niên) đến “Bình dân thư viện” đọc sách báo, đặc biệt là nghe đồng chí Nghĩa đọc và dịch báo tiếng Pháp. Đây là cơ hội thuận lợi để đồng chí tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản, kêu gọi nhân dân đoàn kết chống áp bức, đòi tự do dân chủ.

Mở đầu phong trào Đông Dương Đại hội là cuộc mít tinh tại Gò Dê (xã Bình Ý - quận Châu Thành)². Dưới sự vận động của Ủy ban hành động tỉnh, hơn 200 đồng bào ở 2 quận Châu Thành và Tân Uyên đã đến nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa diễn thuyết. Tại cuộc mít tinh, đồng chí đã nêu tình hình trong và ngoài nước, kêu gọi nhân dân ủng hộ phong trào Đông Dương Đại hội, đòi chính quyền thực dân phải thực hiện các quyền dân sinh dân chủ, được tự do hội họp và sinh hoạt báo chí. Biết được tin, địch cho lính đến đàn áp. Nhưng nhờ dự đoán trước tình hình nên các đồng chí trong Ủy ban hành động đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động bọn lính không gây khó dễ và biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình đả đảo bọn cường hào.

Ở Long Thành, nhân dân các xã Phước Lộc, Long An, An Lợi, Phước Thiện, Tam An, Tam Phước, Phước An... dưới sự lãnh đạo

1 Hiện nay là xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2 Hiện nay là ấp Bình Ý, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

của các đồng chí đảng viên Đảng Cộng sản như Trương Văn Bang, Hồ Văn Giàu, Hồ Văn Đại, Huỳnh Văn Lũy... cũng đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh, đưa dân nguyện đòi giảm sưu thuế, đòi các quyền tự do, dân chủ...

Mặt khác, các loại báo chí tiên bộ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt như các tờ: La-văng-gác (L'avant garde), Lơ-pốp (Le Peuple), Lao Động, Bọn Dân, Nhanh Lúa, Tin Tức, Thời Thế... được phát hành rộng rãi ở nhiều nơi. Đặc biệt là từ khi báo Dân Chúng ra đời đã gây được tiếng vang lớn, thu hút hàng ngàn độc giả ở nhiều nơi trong tỉnh Biên Hòa.

Từ tháng 9/1936, phong trào cách mạng dấy lên đều khắp trong tỉnh đặc biệt là ở xã Bình Trước¹ và các xã lân cận thuộc quận Châu Thành. Cơ sở Đảng ở nhà máy cưa BIF đã bí mật in hàng ngàn truyền đơn tố cáo tội ác của thực dân, đòi thành lập nghiệp đoàn và kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh. Nhiều cuộc mít tinh do các đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa trực tiếp diễn thuyết, điển hình là cuộc mít tinh tại rạp hát Trần Diển (thị xã Biên Hòa). Trước đông đảo quần chúng nhân dân, đồng chí Nghĩa đã trình bày mục đích, ý nghĩa của phong trào Đông Dương Đại hội, đồng thời phát động quần chúng tham gia các hoạt động đấu tranh, gia nhập các Hội, Đoàn, soạn thảo các bản “dân nguyện” nêu kiến nghị và yêu cầu bức xúc về các quyền lợi dân sinh dân chủ của mỗi ngành, mỗi giới gửi phái đoàn điều tra Pháp.

Công tác tuyên truyền trong giai đoạn này đã được triển khai một cách có hiệu quả và có nhiều thuận lợi do các đồng chí trong Ủy ban hành động của tỉnh đã biết sử dụng báo chí như một công cụ đặc lực

¹ Nay là các xã Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

cho việc tuyên truyền, vận động cách mạng. Từ năm 1931, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã chuyên truyền đơn, báo chí, tài liệu cách mạng và cờ Đảng về Biên Hòa. Thuận lợi hơn nữa là vào đầu 1936, đồng chí làm việc cho các tờ báo của Đảng như: Tranh Đấu, Tiền Phong, Dân Chúng... Vì thế, trong thời kỳ này báo chí là công cụ tuyên truyền đặc lực nhất ở Biên Hòa. Các tờ báo đã vạch trần tội ác man rợ, sự thối nát phản động của chế độ thuộc địa, tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, cổ vũ động viên quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh dân chủ chống bọn phản động thuộc địa, đồng thời cũng phổ biến rộng rãi kinh nghiệm đấu tranh cho quần chúng. Các loại sách báo bằng tiếng Pháp và tiếng Việt được phát hành công khai và rộng rãi ở nhiều nơi trong tỉnh. Đặc biệt, báo Phổ Thông và Dân Chúng là những tờ báo công khai chính do Đảng lãnh đạo ra đời ở Nam Kỳ đã tạo được tiếng vang lớn, thu hút đông đảo độc giả phần lớn là học sinh và công nhân. Việc ủng hộ báo chí công khai của Đảng trở thành phong trào quần chúng, các hội ái hữu trích một phần hội phí để mua báo, đồng thời ủng hộ tài chính cho Đảng... Báo chí thực sự là món ăn tinh thần mà bao năm qua nhân dân khao khát chờ đợi. Thậm chí những người không biết chữ cũng mua báo nhờ người đọc hộ, rồi giữ gìn cẩn thận và chuyển tay nhau để nhiều người được đọc. Cùng với “Bình dân thư viện” ở Bình Ý, quầy báo Xuân 1937 ở chợ Biên Hòa cũng được vận động thành lập. Đây cũng là nơi đồng bào các giới đến mạn đàm, trao đổi những vấn đề quốc sự và là nơi tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng đến các tầng lớp nhân dân.

Trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng và ảnh hưởng của Đảng ngày một lan rộng khắp nơi trong nước, bọn phản động Pháp ra mặt chống phá phong trào Đông Dương Đại hội. Ngày 15/9/1936, Pháp ra lệnh giải tán các ủy ban hành động, cấm tất cả các

cuộc hội họp của nhân dân. Mặc dù Đông Dương Đại hội bị cấm nhưng phong trào quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng vẫn tiếp tục diễn ra với nhiều hình thức phong phú và quy mô lớn hơn. Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang (nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ) được Liên Tỉnh ủy Miền Đông cử về Biên Hòa lãnh đạo phong trào và xây dựng cơ sở Đảng. Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư và các ủy viên như: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Văn Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ...

Nhờ thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền nên công tác phát triển Đảng có sự chuyển biến. Một số chi bộ Đảng được thành lập như: hai chi bộ ở nhà máy cưa BIF, chi bộ xã Bửu Long, chi bộ liên xã Tân Phong - Bình Ý, chi bộ quận Xuân Lộc, chi bộ đồn điền Cuộc-tơ-nay (nay là nông trường cao su Cẩm Mỹ).

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các đảng viên trong chi bộ và quần chúng cốt cán tiếp tục tuyên truyền giác ngộ cách mạng, phát động quần chúng thành lập các tổ chức hợp pháp và bán hợp pháp. Tổ chức Công hội đỏ được xây dựng ở nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa và các đồn điền cao su Xuân Lộc, Long Thành. Nông hội đỏ được thành lập ở một số xã thuộc quận Châu Thành. Phổ biến nhất là các tổ chức Hội Ái hữu được thành lập ở nhiều nơi như: hội cây, hội miễu, hội lân, hội bóng đá... thu hút đông đảo nhân dân tham gia. “Hội nhà vàng” ở Bình Ý có nhiều hoạt động sôi nổi nêu cao tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Ở trung tâm thị xã Biên Hòa, nhiều hội đoàn của các tầng lớp nhân dân lao động cũng nhanh chóng được thành lập như Hội Ái hữu các ngành thợ mộc, thợ hồ, thợ hớt tóc, Hội Ái hữu của chị em tiểu thương, Hội Ái hữu công nhân BIF, Hội Ái hữu công nhân ga xe lửa Biên Hòa... Thông qua những tổ chức công khai, hợp pháp này, Đảng

đã tập hợp được đội quân chính trị khá đông đảo. Mặt khác, trên cơ sở các phong trào đấu tranh, Đảng đã bồi dưỡng phát triển được nhiều cơ sở cốt cán, đặc biệt là trong giới công nhân lao động và học sinh.

Từ cuối năm 1936, phong trào cách mạng dấy lên sôi nổi, đều khắp. Tại Biên Hòa sau khi thành lập, Ủy ban hành động đã kịp thời tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Các đồng chí đảng viên trực tiếp về các địa phương để tuyên truyền vận động cách mạng. Đồng chí Dương Bạch Mai - cán bộ Xứ ủy cũng nhiều lần về Long Thành, Châu Thành để chỉ đạo phong trào, xây dựng cơ sở. Từ tháng 9/1936, phong trào nhân dân hưởng ứng “Đông Dương Đại hội” đã lan ra nhanh hầu hết các xã trong tỉnh. Ở trung tâm thị xã Biên Hòa, các Ủy ban hành động của nhà máy cưa BIF, giới xe lô, giới giáo chức... có nhiều hoạt động sôi nổi. Cơ sở Đảng ở nhà máy cưa BIF đã cho in và phân phát hàng trăm truyền đơn với nội dung tố cáo tội ác và hành động của chủ hãng, đòi lập nghiệp đoàn, đòi tăng lương, giảm giờ làm, kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh.

Cuối năm 1937, công tác tuyên truyền góp phần rất lớn trong việc thực hiện chủ trương truyền bá chữ quốc ngữ của Đảng nhằm nâng cao dân trí cho các tầng lớp nhân dân lao động trong tỉnh. Nhờ tích cực tuyên truyền, vận động, chỉ trong vòng một tháng đã thu hút hàng ngàn người với nhiều độ tuổi tham gia. Phong trào được nhân dân thị xã Biên Hòa nhiệt liệt hưởng ứng và được các thầy giáo như thầy giáo Thế, thầy giáo Tam tham gia hết sức nhiệt tình... Thông qua việc dạy học, các thầy còn khéo léo khơi dậy lòng yêu nước, truyền thống anh hùng của dân tộc ta, từ đó phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng. Chỉ trong vòng 3 đến 4 tháng, nhiều người đã tự đọc được sách báo nên rất biết ơn cách mạng. Vì vậy, họ càng tin tưởng vào Đảng, quết tâm một lòng một dạ đi theo Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, mặc dù bị thực dân Pháp đàn áp nhưng các phong trào đấu tranh vẫn tiếp diễn trong những năm 1937-1939 như các cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy cưa BIF, công nhân các đồn điền cao su Xuân Lộc, Trảng Bom... Nội dung chủ yếu của các cuộc đấu tranh xoay quanh 10 yêu cầu về dân sinh dân chủ do Ủy ban hành động tỉnh đề ra. Trong đó, yêu cầu đòi thành lập nghiệp đoàn được đặt lên hàng đầu nhằm tạo điều kiện tập hợp, phát huy sức mạnh đoàn kết đấu tranh của công nhân. Ngoài ra, còn có các cuộc đấu tranh của nông dân các xã thuộc quận Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành đòi giảm thuế điền, bỏ thuế thân, bỏ các lệ làng khắc nghiệt và chống địa chủ, bọn cường hào ác bá. Các tầng lớp nhân dân lao động khác cũng có nhiều cuộc đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực cho ngành, cho giới mình. Một số chị em tiêu thương ở chợ Biên Hòa còn tập hợp làm đơn kiến nghị đòi giảm thuế hoa chi, phản đối hành động thô bạo của cai thầu chợ.

Dưới sự lãnh đạo, tổ chức của các đảng viên Cộng sản, phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục, mạnh mẽ, nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Ngày 15/11/1936, hơn 400 công nhân thuộc Công ty kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hòa bao gồm các cơ sở ở Biên Hòa, Trảng Bom, Xuân Lộc đồng loạt bãi công phản đối chủ công ty bắt công nhân làm việc quá sức để bù vào những giờ bị cắt giảm theo nghị định ngày 11/10/1936; đồng thời, yêu cầu tăng lương 30 xu/ngày. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi một phần, bọn chủ giải quyết tăng lương 10 xu/ngày. Ngày 28/5/1937, toàn thể nam nữ công nhân nhà máy cưa BIF bãi công phản đối bọn chủ, cai, xu đánh đập đàn áp công nhân. Ngày 18/11/1938, hơn 300 công nhân của nhà máy cưa BIF đình công phản đối bọn chủ hăng giảm giá khoán cưa gỗ từ 1 đồng xuống 0.5 đồng/m³.

Cuộc đấu tranh thắng lợi, tạo tiếng vang lớn khắp thị xã Biên Hòa. Ở các cơ sở cao su, công nhân liên tục đấu tranh bằng các hình thức đình công, bãi công, đưa yêu sách đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ. Ngày 01/01/1939, hàng ngàn công nhân ở các cơ sở cao su trong tỉnh Biên Hòa đã đồng loạt bãi công đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống. Cuộc đấu tranh rộng lớn này buộc bọn chủ các công ty SIPH, công ty Đất Đỏ phải ra lệnh cho các tên chủ đồn điền giải quyết một số đòi hỏi cụ thể của công nhân như giảm bớt mức khoán, làm lại nhà cửa, cấp phát giường nằm, cấp gạo tốt, thuốc men cho công nhân đau yếu.

Ngoài các hình thức đấu tranh như đình công, bãi công, công nhân các xí nghiệp, đồn điền cao su còn bí mật kẻ khẩu hiệu, truyền đơn với các nội dung như:

- Kêu gọi công nông binh liên hiệp đoàn kết đấu tranh chống áp bức, cường quyền.

- Hoan nghênh Cách mạng tháng Mười Nga, ủng hộ Liên bang Xô Viết.

- Hô hào công nhân các nhà máy, xí nghiệp đình công, bãi công đòi các quyền lợi thiết thực cho giai cấp mình.

Qua phong trào Mặt trận dân chủ (1936 - 1939), đội ngũ những người làm công tác tuyên truyền đã trưởng thành thêm một bước. Tiêu biểu là đồng chí Nghĩa đã từng được rèn luyện trong phong trào cách mạng. Từ những năm 1930, đồng chí đã đi bán dầu cù là khắp các tỉnh Nam Kỳ và cả ở Campuchia để tuyên truyền lòng yêu nước, đòi tự do dân chủ... Năm 1931, đồng chí đã gây dựng phong trào cách mạng ở thị trấn Tân Uyên, ga xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF Tân Mai... Trong giai đoạn này, các đồng chí đã biết đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh đúng lúc để tập hợp và lôi cuốn quần chúng; tổ chức những hoạt động

đấu tranh công khai hợp pháp, nửa hợp pháp như mít tinh, báo chí, đưa dân nguyện... vào những thời điểm thích hợp bước đầu đạt được những thắng lợi. Nhờ công tác tuyên truyền, quần chúng lao động hết lòng ủng hộ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Công tác tuyên truyền chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ra sức đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Ở Biên Hòa, thực dân Pháp và bọn tay sai tập trung lực lượng chống phá cách mạng. Hàng loạt các nghị định cấm mọi hoạt động mà thực dân Pháp cho là có liên hệ với Cộng sản được ban hành. Đến cuối năm 1939, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng, nhiều cán bộ của Đảng lần lượt bị bắt giam trong các nhà tù hoặc đày đi Côn Đảo. Nhiều nơi có phong trào mạnh như nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, các xã Tân Triều, Bình Ý, Tân Phong... đều bị địch đánh phá khốc liệt. Chúng đã bắt hơn 200 cán bộ và quần chúng ở “làng đò” (những xã có phong trào cách mạng sôi nổi) như Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều. Do đó, ngoài khám đường Biên Hòa đã có từ trước, địch phải lập thêm nhà tù Bà Rá và Tà Lài để giam giữ những cán bộ cách mạng, đảng viên Cộng sản.

Để phục vụ cho việc phòng thủ, vơ vét sức người, sức của cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc, thực dân Pháp thực hiện lệnh tổng động viên tuyên mộ lính, kéo dài thời hạn tại ngũ những người đã mãn hạn, đồng thời, tăng cường bắt nhân dân lao động xây dựng thêm đường sá, cầu cống, mở rộng sân bay Tân Phong, trường bắn Bình Ý, lập xưởng sửa chữa máy bay. Địch tăng cường vơ vét bóc lột bằng các hình thức dã man nhất, tất cả các sắc thuế đều tăng, đặt ra nhiều loại thuế mới như “đảm phụ quốc phòng”, “quốc trái”..., ra lệnh sung công, truy thu,

trung dụng các phương tiện vận tải hàng hóa của tư nhân nhằm thực hiện chính sách kinh tế thời chiến mà chúng gọi là “kinh tế chỉ huy”. Đời sống nhân dân Biên Hòa ngày càng bị bần cùng hóa.

Trước tình hình đó, tháng 11/1939 Hội nghị Trung ương lần thứ 6 họp tại Hóc Môn - Gia Định đã quyết định thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Chấp hành sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, cuối năm 1939, Tỉnh ủy Biên Hòa có kế hoạch chỉ đạo cán bộ đảng viên rút vào bí mật, chuyển về vùng tạm lánh xây dựng căn cứ cách mạng. Một số cán bộ chủ chốt như: Phạm Văn Khoai, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Thuận... phải tạm lánh đi nơi khác, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa bị bắt giam tại Bà Rá. Tỉnh ủy còn chỉ đạo cho các tổ chức quần chúng công khai chuyển sang hình thức hoạt động bán công khai và bí mật. Do tình hình có nhiều biến đổi, các đồng chí xác định phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến tình hình và nhiệm vụ mới cho cán bộ, đảng viên và quần chúng trong toàn tỉnh.

Các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời như: Lê Văn Tôn, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Minh Triết... chuyển vào hoạt động bí mật ở rừng Tân Uyên. Tại đây các đồng chí đã xây dựng được một đội võ trang 35 người do đồng chí Huỳnh Liễn chỉ huy. Lực lượng này chính là tiền thân của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

Tháng 7/1940, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị toàn Xứ tại Tân Hương (Mỹ Tho). Sau khi đánh giá tình hình, Hội nghị thống nhất chủ

trương phát động khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân, thành lập Ban quân sự các cấp. Tiếp sau đó, tháng 9/1940, Xứ ủy họp mở rộng tại Hóc Môn để quyết định một số vấn đề trọng yếu, trao cho Thường vụ Xứ ủy toàn quyền phát lệnh khởi nghĩa, quyết định mẫu cờ là lá cờ đỏ ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Ngày 20/11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát lệnh khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940. Khi có Chi thị hoãn khởi nghĩa của Trung ương thì lệnh khởi nghĩa đã xuống cơ sở không rút lại được.

Ở Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa Nam Kỳ được tiến hành khẩn trương. Các đồng chí trong Tỉnh ủy và các đảng viên khác len lỏi về địa phương để tuyên truyền vận động các chi bộ, các cơ sở cốt cán, quần chúng nhân dân chuẩn bị lực lượng tham gia khởi nghĩa. Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, đội vũ trang gồm 35 người đã được thành lập từ tháng 7/1940. Thế nhưng cuộc khởi nghĩa đã bị lộ. Sáng ngày 24/11/1940, địch bao vây các địa điểm chuẩn bị khởi nghĩa. Một số đồng chí trong Tỉnh ủy và đảng viên cốt cán bị địch bắt. Đồng chí Huỳnh Liễn đã hi sinh tại Lạc An, đội vũ trang rút vào rừng Tân Uyên. Khắp các địa phương trong tỉnh, bọn mật thám chi điếm luôn rình rập, càn bố, đồng bào luôn sống trong tâm trạng lo âu sợ hãi.

Mặc dù đã bị lộ nhưng cuộc khởi nghĩa ngày 23/11/1940 công nhân nhà máy của BIF (Biên Hòa) treo một lá cờ búa liềm trên dây điện của Palăng trực gỗ và một lá cờ khác tung bay trên cây cao ở ngã ba Máy cưa đã tạo nên niềm phấn khởi cho công nhân nhà máy và dân chúng quanh vùng. Ngoài ra, cũng trong thời gian này hàng trăm truyền đơn được rải nhiều nơi trong thị xã Biên Hòa và các xã vùng ven với các nội dung kêu gọi ủng hộ Liên bang Xô Viết, ủng hộ cách mạng Pháp và phản đối sự tàn bạo dã man của thực dân phát xít.

Rút kinh nghiệm sau thất bại của khởi nghĩa Nam Kỳ, ở Biên Hòa các đồng chí cán bộ đảng viên đã đánh giá đúng bản chất của giai cấp công nhân, nhất là công nhân cao su, khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn đều dựa vào công nhân cao su để hoạt động. Được sự bảo vệ, che chở của công nhân, nhiều cán bộ, đảng viên bị địch truy lùng các nơi đã lánh về các đồn điền cao su tiếp tục hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng.

Ngày 29/12/1940, hơn 2000 công nhân cao su ở các xã Cam Tiêm, Cuộc-tơ-nay tiến hành bãi công, đấu tranh đòi ngày làm 8 giờ, được nghỉ ngày chủ nhật, hủy bỏ chế độ lao động chiều thứ bảy hàng tuần. Thực dân Pháp điều một trung đội lính do tên thanh tra công ty Đất Đỏ, mà công nhân gọi miệt thị là tên “Tây đầu đỏ” chỉ huy, xuống đàn áp. Chúng đã man xả súng bắn bừa bãi vào công nhân, làm chết, bị thương hàng chục người và bắt đi hơn 100 người khác.

Từ cuối năm 1940, đồng chí Hồ Văn Đại (Sáu Đại) về cơ sở Cốc Rang (An Lộc), đồng chí Nguyễn Văn Long về cơ sở Dầu Giây, Bình Lộc, đồng chí Trần Văn Trà về cơ sở Cuộc-tơ-nay... Các đồng chí trong Chi bộ Xuân Lộc cũng rút vào hoạt động bí mật ở các cơ sở cao su An Lộc, Hàng Gòn, Túc Trưng...

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, trước hoàn cảnh bị Pháp khủng bố, công tác tuyên truyền gặp nhiều khó khăn nhưng các đảng viên còn lại vẫn kiên trì âm thầm hoạt động, bám dân tuyên truyền gây dựng lại cơ sở cách mạng. Trong thời gian từ cuối năm 1940 đến cuối năm 1941, phong trào ở các đồn điền cao su vẫn tiếp tục được duy trì do một số đảng viên chạy về đây lánh địch như các đồng chí Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Long, Trần Văn Trà... Điển hình là cuộc đấu tranh tại sở Cuộc-tơ-nay nhân vụ xu Lu (đội trưởng) đánh chết công nhân. Cán bộ ta viết bài về khơi gợi lòng căm thù, kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh.

Bài về nhanh chóng lan truyền rộng khắp các phân sở của đồn điền nên tên chủ sở Bu Zu ra lệnh cấm, nếu ai không tuân theo sẽ bị bắt. Chúng còn tàn nhẫn cho bọn tay chân san bằng mộ của anh và cấm công nhân không được hương khói. Quá căm tức, các cán bộ mật trong đồn điền vận động đông đảo công nhân tập trung ra mộ để tuyên truyền, vạch trần tội ác của bọn tư bản, thực dân và kêu gọi công nhân đứng lên đấu tranh. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, ngày 10/9/1941 hơn 500 công nhân sở Cuộc-tơ-nay đình công yêu cầu tình trường người Pháp can thiệp, buộc chủ xưởng chấm dứt đánh đập hành hạ công nhân.

Giai đoạn 1941-1943 là thời kỳ vô cùng khó khăn, các Đảng bộ ở Nam Bộ mất liên lạc với Trung ương. Xứ ủy và các liên Tỉnh ủy liên tục bị phá vỡ. Đến cuối 1942, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến thuận lợi tác động đến phong trào cách mạng Việt Nam nói chung, Biên Hòa nói riêng. Một số đồng chí tạm lánh đi nơi khác đã lần lượt trở về địa phương hoạt như đồng chí Phạm Văn Thuận, Phạm Văn Khoái, Hồ Văn Đại... Ngoài ra, các đồng chí còn bắt liên lạc được với một số đồng chí ở các tỉnh khác mãn hạn tù được thực dân Pháp đưa về quản thúc tại địa phương. Trong giai đoạn này, nhiệm vụ trọng tâm là tập trung tuyên truyền về tình hình thế giới và trong nước, về thắng lợi của đồng minh, nhất là Liên Xô, vạch trần bộ mặt xâm lược của bọn phát xít, vận động quần chúng chống việc bắt xâu, nộp thuế, vơ vét tài sản của giặc và từ đó khơi dậy ý thức dân tộc, tinh thần cách mạng trong các tầng lớp nhân dân.

Tại nhà máy cưa BIF Biên Hòa, đồng chí Đặng Nguyên đã xây dựng và tổ chức lại chi bộ Đảng, đến cuối năm 1943 Chi bộ có 5 đảng viên. Tại ga xe lửa Biên Hòa cũng hình thành được một chi bộ Đảng do đồng chí Ngô Văn Tư làm Bí thư tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận

Việt Minh. Ở sở cùi Trảng Bom, đồng chí Lê Nguyên Đạt đang làm đốc công của sở, đã vận động xây dựng được một sở cơ sở và tổ chức được một chi bộ Đảng.

Đầu năm 1943, Ban cán sự miền Đông cử đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục) về quận Long Thành (Biên Hòa) hoạt động. Đến cuối năm 1944 đồng chí đã tổ chức quân bộ Việt Minh đầu tiên của tỉnh ở quận Long Thành, xây dựng được mạng lưới cơ sở Việt Minh trong các đồn điền cao su, lập được chi bộ Đảng ở cơ sở Bình Sơn do đồng chí Vũ Hồng Phô (tức Vũ Khánh) làm Bí thư. Từ giữa năm 1943, các đồng chí Phạm Văn Búng, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Lê Thái, Hồ Văn Giàu, Nguyễn Văn Ký, Hồ Hòa, Huỳnh Văn Lũy, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Thuận... móc nối liên lạc với nhau, bước đầu hình thành các nhóm, các tổ chức Việt Minh ở một số địa phương thuộc Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành và ngay cả trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa (xã Bình Trước).

Cũng trong thời gian này, đồng chí Hoàng Minh Châu về lại Biên Hòa làm việc ở sở Trường Tiền. Đồng chí đã xây dựng được một chi bộ Đảng tại đây và tổ chức một số cơ sở ở nơi khác như ga Biên Hòa, Tân Phong, Hóa An, Tân Hạnh, Tân Bình...

Trong quá trình hoạt động và xây dựng cơ sở, tổ chức Đảng hình thành và phát triển là do một số đảng viên bằng nhiều con đường liên lạc khác nhau mà hình thành nhiều bộ phận ở các địa phương trong tỉnh Biên Hòa. Tất cả các nhóm đều thống nhất một mục tiêu là tuyên truyền giáo dục, tổ chức quần chúng, xây dựng cơ sở Đảng, xây dựng lực lượng chính trị để tiến lên giành chính quyền. Khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân được khơi dậy ở các địa phương trong tỉnh.

Giai đoạn 1943-1944, các cán bộ, đảng viên đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động xây dựng lại cơ sở cách mạng. Sau một thời gian các cơ sở Đảng ở Biên Hòa lần lượt được xây dựng lại ở nhà máy cưa BIF, Sở cùi Trảng Bom, Long Thành... Các đồng chí đảng viên cốt cán móc nối liên lạc với nhau và bước đầu hình thành các nhóm, các tổ chức Việt Minh ở một số địa phương như: Tân Uyên, Long Thành, Châu Thành và thị xã Biên Hòa. Phong trào cách mạng ở Biên Hòa từng bước phục hồi và phát triển. Khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân ngày càng mạnh mẽ. Thực lực cách mạng lớn mạnh nhanh chóng, tạo cơ sở vững chắc để nhân dân Biên Hòa cùng với cả nước nhất tề đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật đảo chính Pháp, ở Biên Hòa, bọn cầm quyền Nhật đưa Nguyễn Văn Quý lên làm Tỉnh trưởng. Các tổ chức, đảng phái thân Nhật đẩy mạnh hoạt động lừa bịp nhân dân, tuyên truyền đề cao nền độc lập giả hiệu, ủng hộ thuyết “Đại Đông Á”, thuyết “Đồng văn đồng chủng”... Mặt khác, chúng còn ra sức vơ vét sức người, sức của để nuôi dưỡng và kéo dài chiến tranh, làm cho đời sống của nhân dân Biên Hòa ngày càng khó khăn.

Trước khí thế sục sôi cách mạng của quần chúng, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và triệu tập Hội nghị mở rộng vào đêm 9/3/1945 tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Hội nghị nhận định cuộc đảo chính của Nhật sẽ tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, tạo nên một tình thế cách mạng, khiến điều kiện tổng khởi nghĩa mau chín muồi. Hội nghị vạch rõ kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật và bè lũ tay sai của chúng. Do đó nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân lúc này là phát động phong trào chống Nhật cứu nước, tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Từ cuối tháng 3/1945, cách mạng Việt Nam đã chuyển